

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 272/2020/DS-PT

Ngày: 04/8/2020

V/v tranh chấp: “Hủy hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu

Ông Nguyễn Thanh Triều

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị
Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc
thẩm công khai dân sự thụ lý số: 251/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc
tranh chấp “Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 83/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân
huyện L, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 382/2020/QĐ-PT ngày 25/5/2020 giữa các
đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồng Văn V, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Đường N, Phường E, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền cho ông V là: Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1977; (Có
mặt)

Địa chỉ: Đường C, Phường A, thành phố A, tỉnh Long An.

Theo văn bản ủy quyền ngày 05/10/2018

- *Bị đơn:*

1. Ông Phan Văn V1, sinh năm 1948; (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1950; (Có mặt)

3. Chị Phan Thị Cẩm H, sinh năm 1976; (Vắng mặt)

4. Anh Phan Văn T, sinh năm 1978; (Vắng mặt)

5. Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1977; (Vắng mặt)

6. Chị Phan Thị Thùy D, sinh năm 1998; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:* Bà Đỗ Thị Ngọc D1, sinh năm 1964; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Bà Nguyễn Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

Nguyên đơn – ông Hồng Văn V có người đại diện theo ủy quyền – anh Nguyễn Minh C trình bày:

Ngày 05/10/2016 ông V có cho gia đình bà Nguyễn Thị P vay số tiền 400.000.000 đồng. Để đảm bảo cho hợp đồng vay hai bên có làm hợp đồng giả cách là hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 2657, tờ bản đồ số 02, diện tích 125m² tại Ấp L, xã N, huyện L, tỉnh Tiền Giang do ông V đại diện hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được công chứng ngày 05/10/2016 tại Phòng công chứng số 03 tỉnh Tiền Giang.

Ngày 24/10/2018 ông V có làm đơn khởi kiện yêu cầu bà P, ông V1, chị H, anh T, chị K, chị D tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký ngày 05/10/2016 nhưng bà P và các thành viên trong hộ không đồng ý nên ngày 31/7/2019 ông V làm đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện:

1. Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng ngày 05/10/2016 tại Phòng công chứng số 03 tỉnh Tiền Giang do vô hiệu nhằm che giấu hợp đồng vay tiền.

2. Yêu cầu bà P, ông V1, chị H, anh T, chị K, chị D cùng liên đới trả cho ông V số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 05/10/2016 đến ngày xét xử là 37 tháng (làm tròn) theo mức lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền là 111.000.000 đồng. Tổng cộng là 511.000.000 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Ông V tự nguyện trả lại số tiền lãi đã nhận là 27.000.000 đồng cho bà P, ông V1 và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có số thửa 2657, tờ bản đồ số 02, diện tích 125m² tại Ấp L, xã N, huyện L, tỉnh Tiền Giang do ông V đại diện hộ gia đình đứng tên cho ông V1 ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm có: Giấy nhận tiền ghi ngày 05/10/2016, hợp đồng ủy quyền ngày 14/6/2016, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/10/2016 tại Phòng công chứng số 03 tỉnh Tiền Giang, bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị P trình bày:

Năm 2016 gia đình bà làm ăn thua lỗ, cần tiền để trả nợ, biết việc này nên bà Đỗ Thị Ngọc D1 ngụ cùng ấp giới thiệu cho bà gặp ông Hồng Văn V vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, có làm giấy nhận tiền và làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như phía nguyên đơn trình bày để làm tin, nhưng thực tế bà chỉ nhận 340.000.000 đồng, số tiền 60.000.000 đồng còn lại ông V nói là chi phí vay tiền, có bà Dung làm chứng. Từ tháng 11/2016 đến tháng 5/2017 bà có 04 lần chuyển tiền trả lãi cho ông V thông qua Ngân hàng Eximbank Chi nhánh Chợ Lớn số tiền 45.500.000 đồng thì không có khả năng trả lãi nữa nên ngưng cho đến nay.

Nay bà đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như ông V trình bày. Bà chỉ đồng ý trả cho ông V số tiền 294.500.000 đồng (400.000.000 – 60.000.000 –

45.500.000), xin không tiếp tục trả lãi vì hoàn cảnh khó khăn. Yêu cầu trả tiền một mình vì đây là nợ bà vay riêng, chỉ có chồng là ông V1 biết.

Ông Phan Văn V1, chị Phan Thị Cẩm H, anh Phan Văn T, chị Nguyễn Thị K, chị Phan Thị Thùy D: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông V1, chị H, anh T, chị K, chị D vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng – chị Đỗ Thị Ngọc D1 trình bày:

Khoảng năm 2016 biết được bà P có nhu cầu vay tiền. Do biết ông K là người chuyên môi giới mua bán đất và cho vay tiền, thông qua ông Kiệt biết được ông V ở Mỹ Tho chuyên cho vay tiền nên có giới thiệu cho bà P, còn các bên thỏa thuận như thế nào chị không biết và không liên quan, chị chỉ có nhận của ông Kiệt 6.000.000 đồng tiền công môi giới còn tiền từ đâu ông Kiệt có chị không biết, cũng không biết địa chỉ ông Kiệt ở đâu. Xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 124, 288, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồng Văn V.

1. Tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng ngày 05/10/2016 tại Phòng công chứng số 03 tỉnh Tiền Giang đối với phần đất có số thửa 2657, tờ bản đồ số 02, diện tích 125m² tại Ấp L, xã N, huyện L, tỉnh Tiền Giang do ông Phan Văn V1 đại diện hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc bà Nguyễn Thị P, ông Phan Văn V1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hồng Văn V số tiền vốn gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 111.000.000 đồng. Tổng cộng là 511.000.000 đồng. Cấn trừ số tiền 27.000.000 đồng ông V đã nhận. Bà P, ông V1 phải trả cho ông V số tiền 484.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Hồng Văn V có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà P, ông V1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

3. Ghi nhận ông V tự nguyện trả lại cho ông V101 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thửa 2657, tờ bản đồ số 02, diện tích 125m² tọa lạc tại Ấp L, xã N, huyện L, tỉnh Tiền Giang do ông V1 đại diện hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông V về việc yêu cầu chị Phan Thị Cẩm H, anh Phan Văn T, chị Nguyễn Thị K, chị Phan Thị Thùy D cùng liên đới trả số tiền 484.000.000 đồng

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/12/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồng Văn V, bà P đồng ý trả cho ông V số tiền 294.500.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội qui phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án : Nguyên đơn ông Hồng Văn V khởi kiện yêu cầu tòa:

1. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng ngày 05/10/2016 tại Phòng công chứng số 03 tỉnh Tiền Giang do vô hiệu nhằm che giấu hợp đồng vay tiền.

2. Yêu cầu bà P, ông V1, chị H, anh T, chị K, chị D cùng liên đới trả cho ông V số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 05/10/2016 đến ngày xét xử là 37 tháng (làm tròn) theo mức lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền là 111.000.000 đồng. Tổng cộng là 511.000.000 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Ông V tự nguyện trả lại số tiền lãi đã nhận là 27.000.000 đồng cho bà P, ông V1 và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có số thửa 2657, tờ bản đồ số 02, diện tích 125m² tại Ấp L, xã N, huyện L, tỉnh Tiền Giang do ông V1 đại diện hộ gia đình đứng tên cho ông V1 ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị P đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như ông V trình bày. Bà chỉ đồng ý trả cho ông V số tiền 294.500.000 đồng vì bà làm biên nhận vay 400.000.000 đồng, thực tế ông V chỉ đưa cho bà 340.000.000 đồng tiền vốn, bà đã trả lãi cho ông V được 45.500.000 đồng (340.000.000 đồng – 45.500.000 đồng = 294.500.000 đồng), xin không tiếp tục trả lãi vì hoàn cảnh khó khăn. Số nợ này là bà nợ và chỉ có chồng là ông V1 biết, các con bà không biết.

- Xét đơn kháng cáo của bị đơn là trong thời hạn luật định nên được xem xét. Nhận thấy án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, bà P kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Tranh chấp hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

- Nguyên đơn ông Hồng Văn V khởi kiện yêu cầu tòa:

+Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng ngày 05/10/2016 tại Phòng công chứng số 03 tỉnh Tiền Giang vô hiệu vì hợp đồng này che giấu hợp đồng vay tiền giữa hai bên.

+Yêu cầu bà P, ông V1, chị H, anh T, chị K, chị D cùng liên đới trả cho ông V số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 05/10/2016 đến ngày xét xử là 37 tháng (làm tròn) theo mức lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền là 111.000.000 đồng. Tổng cộng là 511.000.000 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

+Ông V tự nguyện trả lại số tiền lãi ông đã nhận của bà P là 27.000.000 đồng cho bà P, ông V1 và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có số thửa 2657, tờ bản đồ số 02, diện tích 125m² tại Ấp L, xã N, huyện L, tỉnh Tiền Giang do ông V1 đại diện hộ gia đình đứng tên cho ông V1 ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị P đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như ông V trình bày. Bà chỉ đồng ý trả cho ông V số tiền 294.500.000 đồng (400.000.000 đồng – 60.000.000 đồng – 45.500.000 đồng), xin không tiếp tục trả lãi vì hoàn cảnh khó khăn. Yêu cầu trả tiền một mình vì đây là nợ bà vay riêng, chỉ có chồng là ông V1 biết.

Ông Phan Văn V1, Nguyễn Thị P, Phan Thị Cẩm H, Phan Văn T, Nguyễn Thị K, Phan Thị Thùy D: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông V1, chị H, anh T, chị K, chị D vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Nguyễn Thị P kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồng Văn V, bà P đồng ý trả cho ông V số tiền vốn vay là 294.500.000 đồng, xin không trả lãi vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy trên chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện rõ bà P có vay của ông V số tiền 400.000.000 đồng và bà P cũng thừa nhận trên giấy tờ thì thể hiện bà có vay của ông V 400.000.000 đồng, tuy nhiên thực tế bà chỉ nhận được 340.000.000 đồng nhưng bà P lại không cung cấp được chứng cứ chứng minh là bà chỉ nhận 340.000.000 đồng, ngoài ra bà cho rằng bà đã trả lãi cho ông V được 45.500.000 đồng nhưng bà cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh trong khi đó ông V chỉ thừa nhận là đã nhận tiền lãi của bà P trả là 27.000.000 đồng. Do bà P không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của bà. Vì vậy án sơ thẩm đã xử buộc bà Nguyễn Thị P, ông Phan Văn V1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hồng Văn V số tiền vốn gốc là 400.000.000 đồng và số tiền lãi là 111.000.000 đồng. Tổng cộng là 511.000.000 đồng. Cấn trừ số tiền lãi 27.000.000 đồng ông V đã nhận. Bà P, ông V1 phải trả cho ông V số tiền 484.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ. Bà P kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà. Vì vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2019/DS-ST ngày

25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên về phần án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi thì bà P và ông V1 là người cao tuổi, đồng thời theo quy tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội, ông V1 và bà P thuộc trường hợp đương nhiên được miễn tiền án phí. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần điều chỉnh lại phần tiền án phí cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của vị Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông V1 và bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 điều 308, của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ các điều : Điều 117, 124, 463, 466, 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điều 2 Luật Người cao tuổi .

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang.

3. **Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồng Văn V.

3.1. Tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng ngày 05/10/2016 tại Phòng công chứng số 03 tỉnh Tiền Giang đối với phần đất có số thửa 2657, tờ bản đồ số 02, diện tích 125m² tại Ấp L, xã N, huyện L, tỉnh Tiền Giang do ông Phan Văn V1 đại diện hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3.2. Buộc bà Nguyễn Thị P, ông Phan Văn V1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hồng Văn V số tiền vốn gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 111.000.000 đồng. Tổng cộng là 511.000.000 đồng. Cán trừ số tiền lãi 27.000.000 đồng ông V đã nhận của bà P. Vậy ông V1 và bà P chỉ còn phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông V số tiền còn lại là 484.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi bốn triệu đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Hồng Văn V có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà P, ông V1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

3.3. Ghi nhận ông V tự nguyện trả lại cho ông V101 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thửa 2657, tờ bản đồ số 02, diện tích 125m² tại Ấp L, xã N, huyện L, tỉnh

Tiền Giang do ông V1 đại diện hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3.4. Không chấp nhận yêu cầu của ông V về việc yêu cầu chị Phan Thị Cẩm H, anh Phan Văn T, chị Nguyễn Thị K, chị Phan Thị Thùy D cùng liên đới trả số tiền 484.000.000 đồng

4. Về án phí: Ông V1 và bà P được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

- Hoàn lại cho ông V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 16279 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tiền Giang và 11.980.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 17113 ngày 17/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tiền Giang

- Hoàn lại cho bà P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 17371 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện L, TG;
- CCTHADS huyện L, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu Hằng